

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/HS- PT

Ngày: 25- 02- 2021

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tuấn Anh

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Tấn Tạng.

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

**- Thư ký phiên tòa:**

Bà Phan Thị Kim Loan- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:**

Bà Lưu Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 12 năm 2020, ngày 14 tháng 01 và ngày 25 tháng 02 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 363/2020/TLPT-HS ngày 13 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo Trương Hữu T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 97/2020/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

**- Bị cáo có kháng cáo:**

**Trương Hữu T**, sinh năm 1964 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú (HKTT): Tổ XX, khóm Mỹ H, phường X, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Trương Văn L (chết) và bà Nguyễn Thị N; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Chưa; nhân thân: Ngày 23-10-2001, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử phạt 09 tháng tù về tội “Vi phạm các qui định về sử dụng đất đai”; tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo hiện đang tại ngoại (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

**- Bị hại:** Huỳnh Văn T1, sinh năm 1962 (*có mặt*).

Nơi cư trú: Ấp X, xã Thường Phước X, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Nguyễn Thành T2, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Tổ XX, ấp Hòa D, xã Nhị M, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nguyễn Thành T:

Luật sư Nguyễn Tấn T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

- Người làm chứng:

1. Huỳnh Văn Q, sinh năm 1995 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp X, xã Thường Phước X, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

2. Huỳnh Hùng P, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ XX, khóm Mỹ H, phường X, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Trương Công Phúc T3, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp X, xã Mỹ H, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

4. Lê Quốc H2, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Long H, xã Long H4, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2014, Huỳnh Văn Q, sinh năm 1995, ngụ ấp X, xã Thường Phước X, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp cùng với Nguyễn Thành T, sinh năm 1990, ở ấp Hòa D, xã Nhị M, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp đi nghỉ vụ Công an tại thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp nên quen biết nhau.

Tháng 5 năm 2015, Nguyễn Thành T quen biết ông Huỳnh Hùng P, sinh năm 1964, ngụ Tổ X, khóm Mỹ H2, phường X, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp. Nguyễn Thành T2 đã cùng hai người bạn là Trương Công Phúc T3, sinh năm 1995, ngụ Ấp X, xã Mỹ H, huyện Cao L và Lê Quốc H2, sinh năm 1994, ngụ ấp Long H3, xã Long H4, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp thông qua ông Huỳnh Hùng P để nhờ bị cáo Trương Hữu T quen biết người ở Trường Đại học Đồng Tháp lo điểm thi vào Đại học hoặc Trung học Công an Nhân dân. Nguyễn Thành T2, T3 và H2 mỗi người đưa trước cho ông P 5.000.000 đồng để đưa cho bị cáo Trương Hữu T liên hệ lo thi, khi nào có kết quả thi mỗi người sẽ đưa thêm 10.000.000 đồng. Kết quả thi không đậu nên Nguyễn Thành T2, T3 và H2 đã liên hệ ông P lấy lại 15.000.000 đồng.

Đến năm 2016, khi chuẩn bị thi Đại học và Trung học Công an thì Huỳnh Văn Q nói với Nguyễn Thành T2 khả năng sẽ khó thi đậu vào ngành Công an. Biết bị cáo Trương Hữu T có mối quan hệ quen biết nhiều người, nên Nguyễn Thành T2 cho Q số điện thoại 09076771XX của bị cáo Trương Hữu T. Q gọi điện thoại cho Trương Hữu T, bị cáo T giới thiệu có quen với Hội đồng thi Trường Đại học Đồng Tháp và có thể lo điểm đậu vào ngành Công an với số

tiền 100.000.000 đồng, nhưng phải đưa trước 70.000.000 đồng, khi có kết quả đậu sẽ đưa thêm 30.000.000 đồng. Sau đó, Huỳnh Văn Q, bị cáo Trương Hữu T và Nguyễn Thành T2 gặp nhau tại quán cà phê Đồ Đ thuộc phường X, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp. Bị cáo Trương Hữu T tiếp tục nói về vấn đề lo đủ điểm đậu vào ngành Công an như trên. Q nghĩ là bị cáo Hữu T nói thật nên nói lại sự việc cho cha ruột là ông Huỳnh Văn T1, sinh năm 1962, ngụ ấp X, xã Thường Phước X, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp để lo tiền đưa cho bị cáo Trương Hữu T.

Đến ngày 27-6-2016, tại quán giải khát Sông T5 ở phường X, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp thì ông Huỳnh Văn T1, Huỳnh Văn Q và bị cáo Trương Hữu T gặp nhau, Huỳnh Văn Q gọi điện thoại rủ Nguyễn Thành T2 đến chứng kiến. Tại đây, bị cáo Trương Hữu T nói sẽ lo cho Q đủ điểm đậu, nếu muốn đậu phải đưa trước 70.000.000 đồng để bị cáo Hữu T đi lo cho Q thi đậu vào ngành Công an, sau khi thi đậu sẽ đưa thêm 30.000.000 đồng, nếu lo không đậu thì sau hai tháng sẽ trả lãi 10%. Q và ông T1 tin tưởng nên đã đưa 70.000.000 đồng do bị cáo Trương Hữu T trực tiếp nhận tiền và ghi biên nhận đưa cho ông Huỳnh Văn T1 giữ.

Đến tháng 11 năm 2016, sau khi biết kết quả không đậu Đại học và Trung học Công an nên Huỳnh Văn Q điện thoại cho bị cáo Trương Hữu T đòi lại tiền, bị cáo Hữu T hứa hẹn trả tiền. Tháng 01 năm 2017, bị cáo Trương Hữu T gặp Q kêu Q đưa giấy biên nhận nhận tiền 70.000.000 đồng để bị cáo Hữu T đi lấy tiền trả lại cho Q và ông T1. Tuy nhiên, khi nhận lại được biên nhận tiền thì bị cáo Trương Hữu T tắt máy điện thoại, ông T1 và Q không liên lạc được với bị cáo.

Đầu tháng 03 năm 2017, Q và ông T1 đến nhà của bị cáo Hữu T đòi lại số tiền 70.000.000 đồng thì bị cáo Hữu T nói số tiền trên đã đưa cho Nguyễn Thành T2 để Thành T2 trả lại cho Q và ông T1. Tuy nhiên, Nguyễn Thành T2 cho rằng không có nhận số tiền 70.000.000 đồng. Ngày 20-3-2017, ông Huỳnh Văn T1 làm đơn tố cáo bị cáo Trương Hữu T đến Công an thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Trong quá trình xác minh, giải quyết tin báo của ông Huỳnh Văn T1, bị cáo Trương Hữu T đã giao nộp cho Cơ quan Công an 01 biên nhận có nội dung là: *“Tôi Nguyễn Thành T có nhận của ông Trương Hữu T 2 lần tiền của Quý nhờ nhận giùm là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu) có nhận 45.000.000 (Bốn mươi lăm triệu) chẵn. Hai lần 70 T (Bảy mươi triệu)”*, biên nhận này ghi ngày 27/6/2016, có chữ ký và ghi tên Nguyễn Thành T phía dưới mục người nhận. Bị cáo Trương Hữu T cho rằng đây là căn cứ đã trả tiền lại cho Q.

Tại Công văn số 729/KTHS ngày 04-8-2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp đã từ chối giám định chữ ký và chữ viết trong biên nhận tên Nguyễn Thành T là do vượt quá khả năng giám định.

Tại Kết luận giám định số 519/KL- KTHS ngày 09-9-2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận chữ viết trên biên nhận so với chữ viết của Trương Hữu T trên các tài liệu mẫu so sánh là cùng một người viết ra (trừ chữ viết họ tên Nguyễn Thành T dưới mục người nhận).

Tại Kết luận giám định số 3237/C54B ngày 16-10-2017 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận như sau: Không kết luận được chữ ký, chữ viết họ tên Nguyễn Thành T2 dưới mục người nhận trên biên nhận đề ngày 27-6-2016 với chữ viết Nguyễn Thành T 2 trên 07 tài liệu mẫu so sánh là có phải do cùng một người ký và viết ra hay không?

Tại Kết luận giám định số 249/C09-P5 ngày 11-9-2018 của Viện khoa học Hình sự Bộ Công an kết luận: Chữ ký, các chữ “Nguyễn Thành T2” dưới mục “người nhận” trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thành T2 trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M7 do cùng một người ký, viết ra.

Tại Kết luận giám định số 1613/C09B ngày 28-4-2020 của Phân Viện khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

1. Nội dung mặt trước trên tài liệu cần giám định “Biên nhận” đề ngày 27 tháng 6 năm 2016 (ký hiệu A) là không phải do cùng 01 cây bút viết ra.

Các dòng có nội dung: “Biên nhận Tôi Nguyễn Thành T có nhận của ông Trương Hữu T 2 lần tiền của Q nhờ nhận dùm là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu.” và “Hai lần 70T(bảy mươi triệu)” là do cùng 01 cây bút viết ra.

Các dòng có nội dung: chữ ký và chữ viết họ tên “Nguyễn Thành T2” dưới chữ ký là do cùng một cây bút viết ra.

2. Chữ viết có nội dung: “Hai lần 70T (bảy mươi triệu)” là được điền thêm.

Không đủ cơ sở kết luận các nội dung còn lại ở mặt trước tài liệu cần giám định “Biên nhận” đề ngày 27 tháng 6 năm 2016 (ký hiệu A) là có cùng thời điểm viết ra hay không?

Ngày 30-01-2018, bị cáo Trương Hữu T giao nộp 70.000.000 đồng cho Cơ quan điều tra Công an thành phố Cao Lãnh để trả cho ông T1. Ngày 07-02-2018, Cơ quan điều tra đã trả lại số tiền 70.000.000 đồng cho ông T1. Ông T1 đã nhận lại đủ số tiền bị chiếm đoạt, ông T1 không yêu cầu bồi thường gì khác.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Trương Hữu T khai nhận quen biết Nguyễn Thành T2 từ năm 2014, chính Thành T2 là người chủ mưu sắp xếp để chiếm đoạt tài sản từ bị hại T1, nhưng do quen biết với Q nên Thành T2 kêu bị cáo Hữu T nói dối việc lo điểm thi vào ngành Công an để lấy 100.000.000 đồng (đưa trước 70.000.000 đồng, khi có kết quả đậu sẽ đưa tiếp 30.000.000 đồng). Xong việc, Thành T2 sẽ cho bị cáo 10.000.000 đồng nên bị cáo đồng ý và làm theo lời Nguyễn Thành T2. Tuy nhiên, khi gặp bị hại T1 thì bị cáo Hữu T tự hứa nếu trở

hẹn sẽ trả lãi 10%. Sau khi nhận được 70.000.000 đồng thì bị cáo chỉ đưa Thành T2 25.000.000 đồng, giữ lại 45.000.000 đồng. Đến tháng 12-2016, bị cáo điện thoại kêu Q lại gặp bị cáo và Thành T2 để lấy tiền, nhưng Q bận nên đưa biên nhận cho bị cáo. Bị cáo cầm biên nhận đến quán giải khát Cỏi R ở Phường X, thành phố Cao L gặp Nguyễn Thành T2. Tại đây, Thành T2 đưa vào 25.000.000 đồng, bị cáo đưa vào 45.000.000 đồng, rồi Thành T2 lấy biên nhận xé bỏ. Bị cáo điện thoại kêu Q lại lấy tiền thì Q kêu bị cáo đưa tiền cho Thành T2, nên bị cáo đưa 70.000.000 đồng cho Thành T2 giữ và viết biên nhận đưa Thành T2 ký để giữ.

Nguyễn Thành T2 khai nhận có giới thiệu bị cáo Trương Hữu T để Q liên hệ lo kết quả thi, không có nhờ bị cáo Hữu T nói giùm và cũng không có nhận tiền giùm cho Q. Trước đó, trong kỳ thi năm 2015, Nguyễn Thành T2 có cùng Trương Công Phước T3 và Lê Quốc H nhờ bị cáo Hữu T lo kết quả thi, việc giao nhận tiền của 03 người là 15.000.000 đồng thông qua ông Huỳnh Hùng P. Do năm 2015 thi chưa đậu, nên đến năm 2016 Thành T2 tiếp tục nhờ bị cáo Hữu T lo điểm thi cho Thành T2, thời điểm này Thành T2 đưa cho Hữu T 70.000.000 đồng. Kết quả thi cũng không đậu, nên bị cáo Hữu T đã trả lại Thành T2 hai lần tiền gồm: Số tiền 45.000.000 đồng, bị cáo Hữu T viết trên tờ giấy trắng xếp đôi, viết từ phần giữa trở xuống biên nhận nội dung: “có nhận 45.000.000 đồng” sau đó Thành T2 ký tên người nhận tiền và đưa cho Hữu T giữ; còn số tiền 25.000.000 đồng thì bị cáo Hữu T tiếp tục trả cho Thành T2 nhưng không làm biên nhận. Thành T2 trả lại biên nhận 70.000.000 đồng cho bị cáo Hữu T mà không lấy lại biên nhận 45.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2020/HS- ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trương Hữu T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trương Hữu T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và nêu quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 14 tháng 10 năm 2020, bị cáo Trương Hữu T có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm đã bỏ lọt tội phạm đối với Nguyễn Thành T2 và bị cáo Trương Hữu T chỉ phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản với số tiền chiếm đoạt là 45.000.000 đồng, chứ không phải chiếm đoạt số tiền 70.000.000 đồng, bị cáo chỉ phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản ở khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự, đề nghị giảm hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trương Hữu T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo còn khai rằng chính Nguyễn Thành T2 là người chủ mưu sắp xếp để chiếm đoạt tài sản của ông Huỳnh Văn T1, nhưng do quen biết với anh Huỳnh Văn Q nên Nguyễn Thành T2 kêu bị cáo nói dối việc lo điểm thi vào ngành Công an để lấy 100.000.000 đồng (đưa trước 70.000.000 đồng, khi có kết quả đậu sẽ đưa tiếp 30.000.000 đồng), khi xong việc thì Nguyễn Thành T2 sẽ cho bị cáo 10.000.000 đồng nên bị cáo đồng ý và làm theo lời Nguyễn Thành T2. Khi gặp ông T1 thì bị cáo tự hứa nếu trễ hẹn sẽ trả lãi suất 10%. Khi nhận được 70.000.000 đồng thì bị cáo chỉ đưa cho Nguyễn Thành T2 25.000.000 đồng, bị cáo giữ lại 45.000.000 đồng. Sau khi biết kết quả Huỳnh Văn Q thi không đậu, đến khoảng tháng 12 năm 2016 bị cáo kêu anh Q đi cùng với bị cáo để gặp Nguyễn Thành T2 lấy tiền, nhưng anh Q nói bận trực bảo vệ tại Ngân hàng Nhà nước không đi được, bị cáo kêu anh Q đưa lại biên nhận cho bị cáo để bị cáo lấy lại tiền, bị cáo cầm biên nhận đến gặp Nguyễn Thành T2. Tại đây, Nguyễn Thành T2 đưa vào 25.000.000 đồng, bị cáo đưa vào 45.000.000 đồng, rồi Nguyễn Thành T2 lấy biên nhận xé bỏ. Bị cáo điện thoại kêu anh Q đến lấy tiền thì anh Q kêu đưa tiền cho Nguyễn Thành T2 nên bị cáo đưa 70.000.000 đồng cho Nguyễn Thành T2 giữ và bị cáo viết biên nhận đưa Nguyễn Thành T2 ký, nội dung thể hiện tại biên nhận ghi ngày 27-6-2016. Bị cáo thực hiện hành vi nêu trên là do Nguyễn Thành T2 kêu bị cáo thực hiện để được Nguyễn Thành T2 cho bị cáo 10.000.000 đồng, do ham lợi nên bị cáo thực hiện. Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là đúng, nhưng chỉ xét xử một mình bị cáo là bỏ lọt tội phạm đối với Nguyễn Thành T2 và mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo là quá nặng vì bị cáo chỉ chiếm đoạt 45.000.000 đồng chứ không chiếm đoạt 70.000.000 đồng. Bị cáo xin Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo và xem xét lại hành vi của Nguyễn Thành T2.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyễn Thành T2 thừa nhận có giới thiệu bị cáo Trương Hữu T để Huỳnh Văn Q liên hệ lo kết quả thi, Nguyễn Thành T2 chỉ giới thiệu, còn việc thỏa thuận là chuyện riêng của bị cáo Hữu T và Huỳnh Văn Q, Nguyễn Thành T2 cũng không có nhận tiền giùm cho Q. Nguyễn Thành T2 biết bị cáo Trương Hữu T là do trong kỳ thi Đại học, Trung học của Công an năm 2015, Nguyễn Thành T2 có cùng Trương Công Phúc Thịnh và Lê Quốc Hưng nhờ bị cáo Hữu T lo kết quả thi, việc giao nhận tiền của 03 người là 15.000.000 đồng thông qua ông Huỳnh Hùng Phê, nhưng năm 2015 Nguyễn Thành T2 thi không đậu, ông Phê đã trả tiền lại cho 03 người. Đến năm 2016, Nguyễn Thành T2 tiếp tục nhờ bị cáo Hữu T lo điểm thi cho Thành T2 và đưa cho bị cáo Hữu T 70.000.000 đồng. Kết quả thi vẫn không đậu, bị cáo Hữu T đã trả lại Thành T2 lần thứ nhất số tiền là 45.000.000 đồng, bị cáo Hữu T viết trên tờ giấy trắng xếp đôi, viết từ phần giữa trở xuống biên nhận nội dung: “có nhận 45.000.000 đồng”, sau đó Nguyễn Thành T2 ký tên người nhận tiền và đưa cho

bị cáo Hữu T giữ. Lần thứ hai, bị cáo Hữu T trả số tiền 25.000.000 đồng nhưng không làm biên nhận. Nguyễn Thành T2 trả lại biên nhận 70.000.000 đồng cho bị cáo Hữu T mà không lấy lại biên nhận 45.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, Huỳnh Văn Q khai cùng đi nghĩa vụ Công an nhân dân với Nguyễn Thành T2, anh Q biết bị cáo Trương Hữu T thông qua giới thiệu của Nguyễn Thành T2, bị cáo Trương Hữu T nói là sẽ lo cho anh Q đủ điểm đậu vào ngành Công an nên anh Q về nói lại với cha ruột là Huỳnh Văn T1, ông T1 thống nhất đưa trước cho bị cáo Hữu T số tiền 70.000.000 đồng, nếu có kết quả đậu sẽ đưa thêm 30.000.000 đồng. Bị cáo Hữu T có viết biên nhận nhận tiền của ông T1 và có ghi nếu trễ hẹn sẽ trả lãi 10%. Khi viết biên nhận anh Q có điện thoại kêu Nguyễn Thành T2 đến và ký vào biên nhận chứng kiến sự việc. Khi biết kết quả thi không đậu, anh Q và ông T1 nhiều lần liên hệ đòi bị cáo Hữu T trả lại tiền, bị cáo Hữu T kêu anh Q trả lại biên nhận, nhưng sau khi anh Q trả lại biên nhận cho bị cáo thì bị cáo không trả lại tiền mà tắt điện thoại, tránh né, không liên lạc được. Anh Q không thừa nhận việc bị cáo Hữu T có điện thoại gọi anh cùng đến gặp Nguyễn Thành T2 lấy tiền, không thừa nhận việc anh có kêu bị cáo Hữu T đưa 70.000.000 đồng cho Nguyễn Thành T2 giữ hộ để sau này đưa lại cho anh Q.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Huỳnh Văn T1 khai sau khi hay tin Huỳnh Văn Q thi không đậu vào ngành Công an thì ông nhiều lần điện thoại yêu cầu bị cáo Hữu T trả lại 70.000.000 đồng nhưng bị cáo Hữu T tắt điện thoại, không liên lạc được. Ông T1 tìm đến nhà bị cáo Hữu T thì bị cáo nói tiền đã đưa hết cho Nguyễn Thành T2 giữ, ông T1 kêu bị cáo dẫn ông đi gặp Nguyễn Thành T2 lấy tiền thì bị cáo không chịu dẫn ông đi. Vì quá bức xúc nên ngày 20-3-2017, ông T1 làm đơn tố cáo hành vi của bị cáo Trương Hữu T đến Công an thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Đến ngày 07-02-2018, Công an thành phố Cao L đã trả lại cho ông 70.000.000 đồng do bị cáo Hữu T khắc phục. Vì vậy, về trách nhiệm dân sự ông T1 không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm, về trách nhiệm hình sự ông T1 yêu cầu Tòa án xét xử bị cáo theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm nhận định hành vi của bị cáo Trương Hữu T bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Bị cáo đã sử dụng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của bị hại, tội phạm hoàn thành kể từ thời điểm bị cáo nhận tiền của bị hại, nên quy kết số tiền bị cáo chiếm đoạt là 70.000.000 đồng là đúng. Do đó, mức án 02 (Hai) năm 06 (sáu) tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã có xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo. Sau khi án sơ thẩm xét xử, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo nhưng không có căn cứ để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của bản án sơ

thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo. Xét kháng cáo của bị cáo cho rằng Bản án sơ thẩm đã bỏ lọt tội phạm đối với Nguyễn Thành T2 là không có cơ sở, bởi vì không có căn cứ chứng minh Nguyễn Thành T2 là người chủ mưu, sắp xếp cùng với bị cáo thực hiện tội phạm, không chứng minh được Nguyễn Thành T2 có hưởng lợi từ tài sản chiếm đoạt, biên nhận ghi ngày 27-6-2016 không có sự hợp lý giữa thời điểm bị cáo nhận tiền từ bị hại và thời điểm bị cáo và Nguyễn Thành T2 cùng góp tiền trả lại bị hại, Nguyễn Thành T2 thì bác bỏ nội dung biên nhận, còn nội dung biên nhận thì có phần bị chỉnh sửa. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về nội dung này.

Tại phiên tòa, Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thành T2 trình bày: Thống nhất với phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm. Bị cáo Trương Hữu T khai Nguyễn Thành T2 là chủ mưu, đồng phạm nhưng không chứng minh được Nguyễn Thành T2 chủ mưu như thế nào, việc bàn bạc, thỏa thuận giữa bị cáo và Thành T2 ra sao? Hồ sơ vụ án không thể hiện Nguyễn Thành T2 nhận tiền chiếm đoạt được từ bị cáo Hữu T. Tại phiên tòa, ông T1, anh Q đều khai trực tiếp thỏa thuận với bị cáo Hữu T, anh Q cũng khai không có nói với bị cáo Hữu T là đưa tiền cho Thành T2 giữ. Biên nhận ngày 27-6-2016 do bị cáo xuất trình có nội dung không đồng nhất, có phần được viết thêm, ngày ghi trên biên nhận là trước ngày diễn ra kỳ thi tuyển vào ngành Công an. Do đó, không có căn cứ kết luận Nguyễn Thành T2 là đồng phạm với bị cáo Trương Hữu T và không có căn cứ buộc Nguyễn Thành T2 trả lại số tiền 70.000.000 đồng.

Tại phần tranh luận, bị cáo Trương Hữu T giữ nguyên quan điểm cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xử phạt một mình bị cáo là bỏ lọt tội phạm đối với Nguyễn Thành T2 và mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo là quá nặng. Bị cáo chỉ giữ 45.000.000 đồng rồi trả lại chứ bị cáo không chiếm đoạt, xin Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thành T2 thống nhất với phát biểu của Kiểm sát viên, Luật sư.

Trong lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét thấy, bị cáo Trương Hữu T là người có đầy đủ năng lực hành vi, bị cáo nhận thức rõ được việc dùng tiền để lo lót, mua điểm thi vào ngành Công an là trái pháp luật, bị cáo càng biết rõ bản thân bị cáo không có khả năng để mua điểm thi cho Huỳnh Văn Q trúng tuyển vào biên chế Công an nhân dân, nhưng vì



muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo đã dùng thủ đoạn nói dối với bị hại Huỳnh Văn T1 là sẽ lo lót được cho con ông T1 là Huỳnh Văn Q thi đậu vào biên chế Công an nhân dân. Ông T1 tin lời nói của bị cáo là thật nên đã đưa cho bị cáo số tiền theo thỏa thuận là 70.000.000 đồng, bị cáo nhận số tiền này nhưng không thực hiện được theo lời hứa, hậu quả là Huỳnh Văn Q thi không đậu, ông T1 đòi lại tiền thì bị cáo không trả, đến khi ông T1 tố cáo hành vi của bị cáo ra Cơ quan Công an thì bị cáo mới hoàn trả lại cho ông T1 số tiền này. Hành vi của bị cáo không chỉ xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại mà còn làm ảnh hưởng đến uy tín của Công an nhân dân. Hành vi của bị cáo đủ cơ sở cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự, tội phạm hoàn thành kể từ thời điểm bị cáo chiếm đoạt được tiền bằng thủ đoạn gian dối, số tiền chiếm đoạt trong trường hợp này là 70.000.000 đồng. Vì vậy, Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2020/HS-ST ngày 30-9-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp kết án bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Bị cáo kháng cáo cho rằng trong số tiền 70.000.000 đồng mà bị cáo đã nhận từ ông T1 thì bị cáo chỉ giữ 45.000.000 đồng, còn Nguyễn Thành T thì giữ 25.000.000 đồng nên bị cáo chỉ chiếm đoạt 45.000.000 đồng, vì vậy bị cáo chỉ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo. Xét kháng cáo của bị cáo là không có căn cứ, bởi vì tội phạm hoàn thành kể từ khi bị cáo nhận 70.000.000 đồng thông qua việc sử dụng thủ đoạn gian dối nên số tiền mà bị cáo chiếm đoạt là 70.000.000 đồng. Giả sử, Nguyễn Thành T2 có là đồng phạm với bị cáo thì cả hai đều phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền chiếm đoạt là 70.000.000 đồng, việc cả hai chia nhau số tiền chiếm đoạt (giả sử là có) thì chỉ là cơ sở để xem xét quyết định mức hình phạt và mức bồi thường dân sự mà thôi. Ngoài ra, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo nhưng không cung cấp được tình tiết nào khác so với các tình tiết giảm nhẹ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét. Vì vậy không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Trương Hữu T cho rằng các Cơ quan tiến hành tố tụng ở cấp sơ thẩm đã bỏ lọt tội phạm đối với Nguyễn Thành T2, Hội đồng xét xử nhận thấy: Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm vấn tại phiên tòa phúc thẩm không thể hiện được bị cáo và Nguyễn Thành T2 có bàn bạc, phân công thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại Huỳnh Văn T1. Huỳnh Văn Q khai Nguyễn Thành T2 cho số điện thoại của bị cáo để Q tự liên hệ với bị cáo, ngày giao nhận tiền thì cũng chính Q điện thoại gọi Nguyễn Thành T2 đến. Đồng thời, không có căn cứ để kết luận Nguyễn Thành T2 nhận 25.000.000 đồng trong số 70.000.000 đồng mà bị cáo chiếm

đoạt. Nguyễn Thành T2 không thừa nhận nhận tiền, không thừa nhận cùng góp tiền với bị cáo Hữu T để trả lại cho ông T1, không thừa nhận biên nhận ngày 27-6-2016, nội dung biên nhận này cũng không thể hiện ý thức chiếm đoạt của Nguyễn Thành T2, biên nhận không đảm bảo tính khách quan do có đoạn được điền thêm và ngày 27-6-2016 ghi trên biên nhận là trước ngày diễn ra kỳ thi nên không chứng minh được sau khi Huỳnh Văn Q thi trượt thì bị cáo Hữu T và Thành T2 góp tiền vào để trả lại ông T1 và cùng làm biên nhận này. Hơn nữa, tại phiên tòa phúc thẩm, Huỳnh Văn Q khai là Q không có nói với bị cáo Hữu T là đưa tiền cho Nguyễn Thành T2 giữ để trả lại cho Q, vì vậy không có cơ sở để chứng minh lời khai của bị cáo Hữu T là thật. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có cơ sở để quy kết Nguyễn Thành T2 là đồng phạm với bị cáo Trương Hữu T, nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về phần này.

[4] Xét thấy phát biểu của Kiểm sát viên, Luật sư tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[5] Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Hữu T.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2020/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cao L2, tỉnh Đồng Tháp về phần hình phạt đối với bị cáo Trương Hữu T.

Tuyên bố bị cáo Trương Hữu T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Hữu T 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 02- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trương Hữu T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TANDTC- Vụ Giám đốc kiểm tra 1;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- Trại Tạm giam CA Tỉnh;
- TA-VKS-THADS thành phố Cao L;
- CQCSĐT Công an thành phố Cao L;
- Bị cáo;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA.TA Tỉnh;
- Lưu: VT, HSVA (Loan).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn T1 Anh**